

Bản án số: **67/2022/DS-ST**.

Ngày: 27-6-2022.

V/v tranh chấp “yêu cầu trả tiền công
lao động và hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Tăng Thị Bạch Vân**;

Ông **Hứa Văn Khương**.

- Thư ký phiên tòa: bà **Phạm Thị Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: không.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp “yêu cầu trả tiền công lao động và hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Võ Tấn L, sinh năm 1983, ông Võ Hữu L1, sinh ngày 02/6/2002 và anh Võ Hữu N, sinh ngày 08/10/2004.

Cùng địa chỉ: số 11/2, ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Ông Võ Hữu L1 ủy quyền cho ông Võ Tấn L theo giấy ủy quyền ngày 08/3/2022. Người đại diện hợp pháp của anh Võ Hữu N là ông Võ Tấn L (ông L có mặt).

- Bị đơn: ông Lê Hoàng L2, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2022 của các nguyên đơn ông Võ Tấn L, ông Võ Hữu L1 và anh Võ Hữu N cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông L trình bày:*

Ông Lê Hoàng L2 có mở Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Hoàng L2 tại Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh. Ông L2 thường lãnh công trình xây dựng ở nhiều

nơi và thuê người đi đến công trình để làm công. Ông L2 có thuê ông L và các con ông L là ông L1 và anh N làm công tại huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, với mức lương mỗi ngày là 320.000đồng, nếu tăng ca mỗi giờ là 50.000đồng.

Ông Võ Tấn L làm từ ngày 07/7/2021 đến 17/9/2021 là 42,5 ngày công x 320.000đồng = 13.600.000đồng. Tăng ca 145 giờ x 50.000đồng = 7.250.000đồng. Tổng cộng 20.850.000đồng.

Ông Võ Hữu L1 làm từ ngày 07/7/2021 đến 17/9/2021 là 40,5 ngày công x 320.000đồng = 12.960.000đồng. Tăng ca 157 giờ x 50.000đồng = 7.850.000đồng. Tổng cộng 20.810.000đồng.

Anh Võ Hữu N làm từ ngày 07/7/2021 đến 17/9/2021 là 34 ngày công x 320.000đồng = 10.880.000đồng. Tăng ca 131 giờ x 50.000đồng = 6.550.000đồng. Tổng cộng 17.430.000đồng.

Vào ngày 20/8/2021 ông Lê Hoàng L2 có vay của ông Võ Tấn L số tiền là 32.000.000đồng không lãi suất.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Võ Tấn L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Lê Hoàng L2 trả cho ông số tiền làm thuê còn thiếu là 20.850.000đồng và 32.000.000đồng tiền vay. Trả cho ông Võ Hữu L1 số tiền làm thuê còn thiếu là 20.810.000đồng và trả cho anh Võ Hữu N số tiền làm thuê còn thiếu là 17.430.000đồng. Ông không yêu cầu lãi suất.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Hoàng L2 vắng mặt không phản đối, không phản tố và cũng không có ý kiến gì.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn ông Lê Hoàng L2 vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[1.1] Về yêu cầu của các nguyên đơn:

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Võ Tấn L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Lê Hoàng L2 trả cho ông số tiền làm thuê còn thiếu là 20.850.000đồng và 32.000.000đồng tiền vay. Trả cho ông Võ Hữu L1 số tiền làm thuê còn thiếu là 20.810.000đồng và trả cho anh Võ Hữu N số tiền làm thuê còn thiếu là 17.430.000đồng. Không yêu cầu lãi suất.

[1.2] Đối với bị đơn:

Ông L2 đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Trong đó có thông báo thụ lý vụ án do ông trực tiếp ký nhận nhưng ông không có ý kiến phản đối hay phản tố và cũng không tham gia tố tụng trọng vụ án.

Mặt khác tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Tranh chấp “Yêu cầu trả tiền công lao động” giữa nguyên đơn ông Trần Văn T với bị đơn ông Lê Hoàng L2 (Theo bản án

số: 39/2022/DS - ST, ngày 13/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, án đã có hiệu lực). Các nguyên đơn ông L, ông L1 và anh N đã tham gia tố tụng trong vụ án trên với tư cách là người làm chứng. Ông L, ông L1 và anh N trình bày ngoài số tiền ông L2 nợ ông T mà Tòa án đang xét xử thì ông L2 còn thiếu họ số tiền trên (theo đơn khởi kiện). Cũng tại phiên tòa trên, bị đơn ông L2 đã thừa nhận có thuê ông L, ông L1 và ông N làm công và hiện ông L2 còn thiếu ông L 20.850.000đồng tiền công lao động; thiếu ông L1 20.810.000đồng tiền công lao động; thiếu anh N 17.430.000đồng tiền công lao động; ngoài ra ông có vay của ông L số tiền là 32.000.000đồng vào ngày 20/8/2021 chưa trả là đúng sự thật. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các nguyên đơn không cần phải chứng minh vì phía bị đơn đã thừa nhận toàn bộ.

[3] Xét những nội dung phân tích ở Mục **[2]** thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận toàn bộ theo quy định tại Điều 274, 275, 280, 357, 463, 466, Điều 468 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Lê Hoàng L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 141 của Bộ Luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các nguyên đơn không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227 và điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, 275, 280, 357, 463, 466, Điều 468 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 N quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Võ Tấn L, ông Võ Hữu L1 và anh Võ Hữu N.

- Buộc ông Lê Hoàng L2 có nghĩa vụ trả cho ông Võ Tấn L số tiền làm thuê còn thiếu là 20.850.000đồng (Hai mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) và 32.000.000đồng (Ba mươi hai triệu đồng) tiền vay. Tổng cộng là 52.850.000đồng (Năm mươi hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc ông Lê Hoàng L2 có nghĩa vụ trả cho ông Võ Hữu L1 số tiền làm thuê còn thiếu là 20.810.000đồng (Hai mươi triệu tám trăm mười nghìn đồng).

- Buộc ông Lê Hoàng L2 có nghĩa vụ trả cho anh Võ Hữu N số tiền làm thuê còn thiếu là 17.430.000đồng (Mười bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Số tiền công lao động của ông L là 20.850.000đồng, của ông L1 là 20.810.000đồng và của anh N là 17.430.000đồng có hiệu L thi hành ngay và kể từ ngày ông Võ Tấn L, ông Võ Hữu L1 và anh Võ Hữu N có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên thì hàng tháng ông Lê Hoàng L2 còn phải trả cho ông Võ Tấn L, ông Võ Hữu

L1 và anh Võ Hữu N lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày ông Võ Tấn L có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền vay là 32.000.000đồng thì hàng tháng ông Lê Hoàng L2 có nghĩa vụ trả cho ông Võ Tấn L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Lê Hoàng L2 phải chịu 4.554.500đồng (*Bốn triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Võ Tấn L, ông Võ Hữu L1 và anh Võ Hữu N không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại cho ông Võ Tấn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.325.000đồng (Một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003768 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

+ Hoàn trả lại cho ông Võ Hữu L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 512.000đồng (Năm trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003767 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

+ Hoàn trả lại cho anh Võ Hữu N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 435.700đồng (Bốn trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm đồng) theo biên lai thu số 0003769 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;
- Lưu.

TRẦN THANH BÌNH